| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày: 10-6-2019.
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hoàng Nguyên.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

2. Ông Huỳnh Ngọc Song.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Bảo Trân – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh***: Ông Cao Minh Dương – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2019/QĐ-ST ngày 28 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Đoàn Thị Cẩm L, sinh năm 1992 (Có mặt);

Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Thanh P, sinh năm 1978. (Vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Anh Trịnh Minh H, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

*Người đại diện hợp pháp cho anh Trịnh Minh H*: Chị Đoàn Thị Cẩm L, sinh năm 1992 theo văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 4 năm 2019. (Có mặt)

Nơi cư trú: Ấp L, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 3 năm 2019, và lời trình bày của nguyên đơn là chị Đoàn Thị Cẩm L trình bày*:

Nguyên trước đây vào ngày 26/8/2018, chị Đoàn Thị Cẩm L có cho anh Trần Thanh P vay với số tiền bằng 100.000.000 đồng với lãi suất bằng 3%/tháng, thời hạn vay là không thời hạn, khi nào chị L cần tiền thì sẽ báo trước 01 tháng thì anh P sẽ trả vốn gốc. Trong quá trình vay anh P có đóng lãi cho tôi từ tháng 8/2018 đến tháng 01/2019 với số tiền bằng 13.000.000 đồng, sau đó thì anh P không đóng lãi nữa. Ngoài ra ngày 09/10/2018 anh P có trả cho chị L 10.000.000 đồng nhưng do anh H (chồng chị L) nhận.

Nay chị L khởi kiện yêu cầu anh Trần Thanh P trả cho chị L 90.000.000 đồng, chị L không yêu cầu tính lãi.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm*: Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi là buộc anh P trả cho chị L 90.000.000 đồng, và không yêu cầu tính lãi.

Đối với Bị đơn là anh Trần Thanh P được Tòa án triệu tập tham gia xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh P vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh P.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh có quan điểm*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời kiểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: thẩm quyền thụ lý vụ án; quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết; tư cách pháp lý; thời hạn xét xử; thủ tục tiến hành hòa giải; thu thập chứng cứ; cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát; thời hạn gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 68; Điều 97; Điều 177; Điều 196; Điều 203; Điều 205; Điều 208; Điều 209; Điều 210; Điều 211; Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: đã tuân theo đúng các quy định tại Điều 239; Điều 243; Điều 247; Điều 249; Điều 250; Điều 251; Điều 252; Điều 260 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án, Vị kiểm sát viên đề xuất:

+ Áp dụng: khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

+ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Cẩm L. Buộc anh Trần Thanh P phải trả cho chị L tiền vay là 90.000.000 đồng. Chị L không yêu cầu tính lãi nên không xem xét giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án được xác định là tranh chấp hợp đồng vay. Về thẩm quyền giải quyết, căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện, nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết là đúng. Về xác định tư cách đương sự, xác minh thu thập chứng cứ và thời hạn chuẩn bị xét xử đều thực hiện theo các quy định tại các Điều 68, 97 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Theo yêu cầu của nguyên đơn chị Đoàn Thị Cẩm L là buộc bị đơn anh Trần Thanh P trả cho chị L 90.000.000 đồng và chị L không yêu cầu tính lãi. Để chứng minh cho yêu cầu của mình chị L có nộp "Giấy vay tiền" trong đó có chữ ký và chữ viết của anh P. Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Trần Thanh P hợp lệ tham gia hòa giải, xét xử mà anh P không đến Tòa án trình bày ý kiến hoặc không có văn bản trả lời phản bác các yêu cầu của chị L, coi như anh P từ bỏ quyền yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của chị L là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về lãi suất: Chị Đoàn Thị Cẩm L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Từ các cơ sở nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Trần Thanh P phải trả cho chị Đoàn Thị Cẩm L số tiền bằng 90.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 147 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đoàn Thị Cẩm L.

Tuyên xử: buộc bị đơn anh Trần Thanh P phải trả cho chị Đoàn Thị Cẩm L số tiền bằng 90.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Thanh P phải chịu 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị Đoàn Thị Cẩm L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả cho Chị Đoàn Thị Cẩm L 2.250.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001842 ngày 19 tháng 3 năm 2019, nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Hoàng Nguyên**